
Bản án số: 70/2017/HSST

Ngày: 28 - 9 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Hoàng Đức N**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Xuân S**

Bà **Trần Thị Thanh**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Khuất Tiến Phúc - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 70/2017/HSST ngày 16 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

***/ Vũ Văn T**, sinh năm: 1960; tại: xã N T, huyện P T1, thanh phố Hà Nội; Trú tại: Cụm 9, xã N T, huyện P T1, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hoá: Con ông Vũ Văn Lâm(Đã chết) và bà Nguyễn Thị Đợi (Đã chết); Có vợ và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1999

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

***/ Người bị hại:** Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968; Trú tại: tổ dân phố Dân C, phường N H, quận Đ S, thành phố H Phòng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng cuối năm 2013, con trai bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968, trú tại: Tổ dân phố Dân C, phường N H, Quận Đ S, thành phố H Phòng là Đinh N Đông, sinh năm 1991, bị Tòa án nhân dân Tối cao tuyên phạt án tử hình về tội giết người, cướp tài sản và bị giam chờ thi hành án tại Trại Tạm Giam Số 1 Công an Thành Phố Hà Nội.

Trong quá trình thăm gặp con, bà N có quen biết với bà Vũ Thị Lan, sinh năm 1964, trú tại cụm 9, xã N T, huyện P T1, thành phố Hà Nội. Bà Lan cũng có con trai tên là Đỗ Văn N, sinh năm 1991, bị Tòa án Nhân Dân Thành Phố Hà Nội tuyên án tử hình về tội giết người. Do cùng cảnh ngộ nên bà N và bà Lan quen biết thân thiết, thường xuyên trao đổi, liên lạc với nhau.

Một thời gian sau, bà N không thấy bà Lan đi thăm nuôi con nữa nên điện thoại hỏi thăm, thì bà Lan cho biết con trai đã được Tòa án nhân dân Tối cao xét xử và được giảm án xuống còn 15 năm tù. Bà N hỏi vì sao lại được giảm án như vậy, thì bà Lan có nói là do nhờ anh trai tên Vũ Văn T, sinh năm 1960, trú tại cụm 9, xã N T, huyện P T1, thành phố Hà Nội (việc con trai bà Lan được giảm án là do Tòa án nhân dân Tối cao xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật chứ không pH do T chạy án mà được nhưng Tính nói dối bà Lan là do T lo và xin được). Bà N nghe vậy liền xin số điện thoại của Vũ Văn T.

Sau khi có được số điện thoại của T, bà N đã điện thoại và gặp T đặt vấn đề nhờ chạy án cho con mình xuống còn tù chung thân hoặc tù có thời hạn. Thời điểm đó, hoàn cảnh gia đình T khó khăn, nợ nần nhiều, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, nói dối bà N là có khả năng chạy án được. T nói với bà N trước kia đi xây nhà cho một số cán bộ trong Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nên có quen biết với họ. T hứa sẽ nhờ họ việc chạy án cho con bà N, mục đích để bà N tin tưởng và nghe theo yêu cầu của mình, thật ra T không có khả năng để chạy án cho con bà N vì không giữ chức vụ quyền hạn và mối quan hệ quen biết với cán bộ trong Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mà chỉ là quan hệ xã giao. T bảo bà N việc chạy án là khó khăn và tốn kém, về nhà chuẩn bị khoảng 200.000.000Đng để lo việc, Đng thời yêu cầu bà N chuẩn bị một bộ hồ sơ bao gồm lý lịch, giấy tờ liên quan đến người trong gia đình Đinh N Đông có công với cách mạng.

Tin tưởng T nên một vài lần gặp nhau, bà N đã đưa cho T một bộ hồ sơ như T yêu cầu và số tiền 20.000.000Đng để T dùng vào việc quan hệ với cán bộ Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như T nói. Số tiền này T đã sử dụng, chi tiêu cá nhân hết.

Sau đó, T điện thoại cho bà N nói đã nhờ được người chạy án cho anh Đinh N Đông và người ta đã Đng ý, T nói với bà N là “Đng tiền đi trước là Đng tiền khôn” và bảo bà N mang 100.000.000Đng đưa trước cho T để lo việc chạy giảm án. T nói như vậy để bà N tin tưởng và giao tiền cho mình chứ việc chạy giảm án cho con trai bà N, T chưa hề trao đổi hay nhờ ai.

Ngày 03/11/2014, bà N cùng con trai là Đinh Duy Đức (Sinh năm: 1995) đến nhà và giao cho T số tiền là 100.000.000Đng. T nhận tiền và hứa hẹn sẽ xin chạy án được cho anh Đông, nếu không chạy án được T có trách nhiệm hoàn trả số tiền cho bà N. Bà N yêu cầu T cộng cả số tiền 20.000.000Đng đã giao trước đó, nên T viết giấy biên nhận với số tiền 120.000.000Đng của bà N để lo việc chạy giảm án cho Đinh N Đông. Số tiền trên, T sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Khoảng 01 tháng sau khi giao tiền, bà N liên tục gọi điện hỏi tình hình việc chạy án như thế nào, thì T thường không nghe máy, hoặc có nghe thì khất lãn và nói rằng việc này cần thời gian nên pH chờ đợi.

Đến đầu năm 2015, do bà N gọi điện hỏi nhiều và đã tiêu hết số tiền của bà N, nên T đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhằm đích tìm hiểu và nhờ việc chạy án cho con trai bà N thì sẽ không pH trả lại cho bà N số tiền đã nhận. Qua giới thiệu của một người chạy xe ôm không quen biết ở cổng Tòa án nhân dân Tối cao, T gặp một người đàn ông tên Thắng (bị can không biết nhân thân lai lịch của người này), hỏi về trường hợp của Đinh N Đông thì được người này cho biết là bên Tòa án đang giữ một lệnh chung thân và một lệnh 18 năm tù của anh Đông, cần giúp thì gặp ông ta sau, ngoài ra người này không nói gì thêm.

Biết được nội dung như vậy, T gọi điện cho bà N bảo mang tiếp 50.000.000Đng nữa để lo việc. Ngày 09/01/2015, bà N mang thêm 50.000.000 Đng đưa cho T để chạy án. Việc giao nhận tiền diễn ra tại một quán nước gần Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội, có con dâu bà N là Bùi Thị Vân (Sinh năm: 1991 là người chứng kiến), T viết thêm vào giấy biên nhận tiền trước đó, ghi tổng số tiền nhận hai lần của bà N là 170.000.000 Đng. T đã dùng số tiền này để trả tiền công thợ và chi tiêu cá nhân hết. Đối với bộ hồ sơ xin giảm án mà bà N giao cho, T không gửi đến đâu mà cất giữ ở nhà sau đó đã làm mất.

Đến cuối năm 2016, con trai bà N bị chết trong trại tạm giam do bị bệnh lý, thì bà N có nói cho T biết chuyện và yêu cầu T hoàn trả tiền, nhưng T khất lần vào không trả được cho bà N số tiền trên, nên bà N đã làm đơn tố giác gửi đến cơ quan điều tra Công an huyện P T1 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT – VKS ngày 15/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện P T1, thành phố Hà Nội truy tố Vũ Văn T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T1 giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội Đng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị Hội Đng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Phạt Vũ Văn T từ 3 đến 4 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Văn T đã khắc phục hậu quả trả cho người bị hại bà Hoàng Thị N số tiền 73.000.000Đng. Nay bà Hoàng Thị N yêu cầu bị cáo pH hoàn trả số tiền còn lại là 97.000.000Đng, buộc T pH trả nốt.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội Đng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ, nên Hội Đng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Để có tiền phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân, lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của người khác, bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin giả là bản thân có khả năng chạy giảm án, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2014 đến tháng 01/2015, Vũ Văn T đã chiếm đoạt của bà Hoàng Thị N số tiền 170.000.000 Đng và tiêu sài cá nhân hết.

Bản thân bị cáo T là người lao động tự do không liên quan gì đến hoạt động tư pháp, biết trước mình không thể lo được việc theo yêu cầu của bà N nhưng do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều và dựa vào sự nhẹ dạ cả tin của bà N, bị cáo đưa ra thông tin sai sự thật nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi chiếm đoạt với số tiền 170.000.000đ của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm e khoản 2 Điều

139 BLHS. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện P T1, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, lợi dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo gây hoang mang đến quần chúng nhân dân, phần nào gây mất lòng tin của nhân dân đến cơ quan tố tụng. Vì vậy, cần pH có hình phạt nghiêm khắc, bắt bị cáo pH cách ly đời sống xã hội một thời gian dài nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm khác.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội Đng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhận thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Vụ án có tính chất đơn giản, bị cáo lợi dụng tâm lý cùng quẫn, sự nhẹ dạ cả tin của bị hại chiếm đoạt tài sản để chi tiêu cá nhân.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần để khắc phục hậu quả mình gây ra cho người bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội Đng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Văn T đã khắc phục hậu quả trả cho người bị hại bà Hoàng Thị N số tiền 73.000.000Đng. Nay bà N yêu cầu bị cáo pH hoàn trả số tiền còn lại là 97.000.000Đng nên buộc bị cáo pH trả lại cho bà N số tiền 97.000.000đ.

Trong vụ án bà Vũ Thị Lan là người đã giới thiệu việc Vũ Văn T là người có khả năng chạy án cho bà Hoàng Thị N. Tuy nhiên đây chỉ là quan hệ giao tiếp tình cảm, không có mục đích vụ lợi gì. Kết quả điều tra xác định, bà Vũ Thị Lan hoàn toàn không biết T thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của bà N và cũng không được hưởng lợi gì từ việc này, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với người đàn ông tên Thắng: do T không biết rõ nhân thân lai lịch của người này nên không tiến hành xác minh được.

Đối với hành vi dùng tiền để nhờ người khác chạy án của bà Hoàng Thị N, cũng chỉ xuất phát từ tình thương của người mẹ đối với con mình, nên cơ quan điều tra chỉ nhắc nhở, giáo dục đối với bà N.

Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Vũ Văn T **04** (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự: Buộc Vũ Văn T pH trả lại cho bà Hoàng Thị N số tiền 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu Đng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà N có đơn thi hành án mà bị cáo T không thi hành còn pH chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm thanh toán đối với số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Áp dụng: Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Buộc bị cáo Vũ Văn T pH chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn Đng*) án phí hình sự sơ thẩm và 4.850.000đ (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn Đng) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Đức N